

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HS-ST
Ngày: 02 - 01 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Trần Thanh Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Mỹ Linh và bà Bùi Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Đoàn Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2025 tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 234/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

NGUYỄN ĐÌNH V, sinh năm: 2002 tại Ninh Thuận.

Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình M và bà Phạm Thị Thúy H; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

+ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 2001;

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

+ Ông Bùi Ngọc T, sinh năm: 1991;

Nơi đăng ký thường trú: Xóm A, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Chỗ ở hiện nay: Khu phố C, phường M, thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Nguyễn Thị Trung P, sinh năm 1994;

Nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Chỗ ở hiện nay: Khu phố C, phường M, thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận.

Người làm chứng: Em Nguyễn Thị Thủy T1, sinh ngày 26/02/2007;

Người đại diện hợp pháp của em Nguyễn Thị Thủy T1 tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1994;

Cùng nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, đại diện hợp pháp của người làm chứng tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian đi lính nghĩa vụ quân sự, Nguyễn Đình V biết có nhiều xe mô tô của chiến sĩ Lữ đoàn 5, Binh chủng đặc công đóng quân tại Khu phố C, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận dựng ở khu vực nhà công binh bỏ hoang, nằm cạnh doanh trại của Lữ đoàn 5 nhưng không có người trông coi nên sau khi xuất ngũ, V nảy sinh ý định trộm cắp xe để làm phương tiện đi lại. Trong hai ngày 12/4/2024 và ngày 29/6/2024, V đã thực hiện 02 vụ trộm cắp xe mô tô, cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 11 giờ ngày 12/4/2024, V đi đến khu vực nhà công binh bỏ hoang, nằm cạnh doanh trại của Lữ đoàn E (thuộc khu phố C, phường M, thành phố P - T) tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đến nơi, nhìn thấy không có người trông coi, V đến phòng số 6 của nhà công binh, lấy trộm 01 xe mô tô, biển số: 85C1-411.72, màu xám đen, hiệu Yamaha, loại Exciter 150 của anh Nguyễn Văn L rồi dắt xe đi bộ ra khỏi khu vực nhà công binh. Khi đến khu vực ngã tư giao nhau đường N - đường N thuộc khu B, phường M, V gặp một người đàn ông (chưa xác định nhân thân) thuê làm 01 chìa khóa xe mô tô, với số tiền 300.000 đồng. Sau đó, V sử dụng chìa khóa mới làm xong, nổ máy xe rồi điều khiển xe chạy về nhà và sử dụng xe mô tô trộm cắp nêu trên làm phương tiện đi lại.

- Vụ thứ hai: Cũng tương tự như vụ thứ nhất, khoảng 09 giờ ngày 29/6/2024, V đi đến khu vực nhà công binh bỏ hoang, không có người trông coi, V đến phòng số 6 của nhà công binh, lấy trộm 01 xe mô tô, biển số: 85D1-311.78, màu đen, hiệu Honda, loại Vision của anh Bùi Ngọc T rồi dắt xe đi bộ ra khỏi khu vực nhà công binh. Khi đến khu vực ngã tư giao nhau đường N - đường N thuộc khu B, phường M, V gặp một người đàn ông (chưa xác định nhân thân) thuê làm 01 chìa khóa xe mô tô, với số tiền 250.000 đồng và sử dụng chìa khóa trên, nổ máy xe rồi điều khiển xe chạy về nhà. Xe mô tô trộm cắp mà có, V đưa cho Nguyễn Thị Thủy T1 sử dụng.

Đến khoảng 18 giờ 30 phút ngày 02/8/2024, khi V điều khiển xe mô tô, biển số 85C1-411.72 và T1 điều khiển xe mô tô, biển số 85D1-311.78 chạy trên đường Q thuộc khu phố G, thị trấn T, huyện N thì bị Công an huyện N kiểm tra hành chính. Qua kiểm

tra phát hiện có biểu hiện nghi vấn nên Công an huyện N chuyển phương tiện, tài liệu có liên quan đến Cơ quan điều tra Công an thành phố P - T để giải quyết theo quy định.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 66/KL-HĐĐGTS ngày 08/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P - T, xác định: 01 xe mô tô, biển số: 85C1-411.72, màu xám đen, hiệu Yamaha, loại Exciter 150, trị giá: 28.700.000 đồng; 01 xe mô tô, biển số: 85D1-311.78, màu đen, hiệu H1, loại Vision, trị giá: 18.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 47.200.000 đồng.

* Về vật chứng vụ án:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ và trả lại cho chủ sở hữu: 01 xe mô tô, biển số: 85C1-411.72, màu xám đen, hiệu Yamaha, loại Exciter 150 và 01 xe mô tô, biển số: 85D1-311.78, màu đen, hiệu H1, loại Vision, là tang vật vụ án.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ và trả lại: 01 điện thoại di động, hiệu Vivo cho bà Phạm Thị Thúy H (là mẹ của V), quá trình điều tra xác định khi cho V mượn điện thoại để liên lạc người thợ để làm chìa khóa, bà H không biết.

Đối với 01 áo khoác màu xám là tài sản của V không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho V.

Đối với 01 đĩa CD bên trong chứa 02 đoạn video ghi lại hình ảnh quanh khu vực vụ trộm cắp tài sản ngày 29/6/2024, 01 đĩa DVD có chứa bên trong đoạn video ghi âm ghi hình bị can. (Kèm theo đưa vào hồ sơ vụ án).

Cáo trạng số: 227/CT-VKSPRTC ngày 18/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng và đồng ý về Bản kết luận định giá tài sản nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đình V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b (bồi thường thiệt hại), điểm s (người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) khoản 1 Điều 51; khoản 2 (bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo) Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình V từ 18 đến 24 tháng tù.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là sai trái, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo về làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố P - T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thẩm quyền xét xử vụ án:

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tại khu vực nhà công binh bỏ hoang, cạnh doanh trại của Lữ đoàn đặc công 05 thuộc Khu phố C, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận do Lữ đoàn 98 Binh đoàn 12 quản lý, có xây dựng nhà, công trình trên đất quốc phòng nhưng không được sử dụng vào mục đích ở, sinh hoạt, làm việc, huấn luyện, làm kho, xưởng, cơ sở điều trị, an điều dưỡng, học tập và sản xuất cho nhiệm vụ quân sự, quốc phòng mà bỏ hoang và không được tổ chức lực lượng canh gác, bảo vệ. Căn cứ Điều 269, 272 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Khoản 1, khoản 2 Điều 2; Khoản 2 Điều 3 của Thông tư 03/2023/TT-TANDTC ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân tối cao, vụ án không thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự mà thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- T, tỉnh Ninh Thuận có thẩm quyền xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa nên có cơ sở xác định: Vào các ngày 12/4/2024 và ngày 29/6/2024, tại Khu phố C, phường M, thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận, bị cáo có hành vi lén lút trộm cắp tài sản gồm: 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 150, màu xám đen, biển số 85C1-411.72, trị giá: 28.700.000 đồng và 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đen, biển số 85D1-311.78, trị giá 18.500.000 đồng. Cáo trạng số: 227/CT-VKSPRTC ngày 18/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - T truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật.

[4] Bị cáo là người đã trưởng thành, đủ khả năng nhận thức và điều chỉnh hành vi, biết được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng do tính tư lợi, nên vẫn cố ý thực hiện việc phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương nên phải xử phạt bị cáo mức án phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả mà hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

[5] Bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho các bị hại. Đây là những tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[7] Đối với Nguyễn Thị Thủy T1 là người đã sử dụng xe mô tô bị cáo trộm cắp, quá trình điều tra xác định T1 không biết tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý hình sự đối với T1 là có căn cứ.

[8] Về xử lý vật chứng:

[8.1] Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu các tài sản gồm: một xe mô tô, biển số: 85C1-411.72, màu xám đen, hiệu Yamaha, loại Exciter 150 và một xe mô tô, biển số: 85D1-311.78, màu đen, hiệu H1, loại Vision; một điện thoại di động, hiệu Vivo cho bà Phạm Thị Thúy H (là mẹ của V) không liên quan đến vụ án; một áo khoác màu xám của V là phù hợp.

[8.2] Lưu hồ sơ vụ án: 01 (một) đĩa CD bên trong chứa 02 đoạn video ghi lại hình ảnh quanh khu vực vụ trộm cắp tài sản ngày 29/6/2024.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không có yêu cầu bồi thường thiệt hại thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Quan điểm của Viện kiểm sát về việc định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo, xác định tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điều 269, 272 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Khoản 1, khoản 2 Điều 2; Khoản 2 Điều 3 của Thông tư 03/2023/TT-TANDTC ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 1 Điều 173; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đình V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình V 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ lúc bắt thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Đình V phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm; có mặt bị cáo; quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt; quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND Tp. PR-TC;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- CQĐT Công an Tp. PR-TC;
- CQTHAHS Công an Tp. PR-TC;
- Chi cục THADS Tp. PR-TC;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Trương Trần Thanh Thư**